

**PHỤ LỤC XXIII. DANH MỤC SẢN PHẨM, BAO BÌ VÀ MỨC ĐÓNG GÓP  
HỖ TRỢ XỬ LÝ CHẤT THẢI**

(Kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)

| TT<br>(1) | Loại sản phẩm, bao bì<br>(2)                        | Định dạng<br>(3)                | Dung tích/kích<br>thước<br>(4) | Mức đóng góp hỗ trợ xử<br>lý chất thải<br>(5)                                                                                               |
|-----------|-----------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1         | Bao bì thuốc bảo vệ thực<br>vật                     | Chai, hộp nhựa                  | Nhỏ hơn 500 ml                 | 50 đồng/cái                                                                                                                                 |
|           |                                                     |                                 | Từ 500 ml trở lên              | 100 đồng/cái                                                                                                                                |
|           |                                                     | Bao, gói, túi<br>nhựa           | Nhỏ hơn 100 g                  | 20 đồng/cái                                                                                                                                 |
|           |                                                     |                                 | Từ 100 g đến dưới<br>500 g     | 50 đồng/cái                                                                                                                                 |
|           |                                                     |                                 | Từ 500 g trở lên               | 100 đồng/cái                                                                                                                                |
|           |                                                     | Chai, bình thủy<br>tinh         | Nhỏ hơn 500 ml                 | 150 đồng/cái                                                                                                                                |
|           |                                                     |                                 | Từ 500 ml trở lên              | 250 đồng/cái                                                                                                                                |
|           |                                                     | Chai, lọ, bình,<br>hộp kim loại | Nhỏ hơn 500 ml                 | 150 đồng/cái                                                                                                                                |
|           |                                                     |                                 | Từ 500 ml trở lên              | 250 đồng/cái                                                                                                                                |
| 2         | Pin dùng một lần các loại                           | Tất cả                          | Tất cả                         | 01 % doanh thu của sản<br>phẩm đối với trường hợp<br>sản xuất hoặc 01% giá trị<br>nhập khẩu của sản phẩm<br>đối với trường hợp nhập<br>khẩu |
| 3         | Tã lót, bím, băng vệ sinh,<br>khăn ướt dùng một lần | Tất cả                          | Tất cả                         | 01 % doanh thu của sản<br>phẩm đối với trường hợp<br>sản xuất hoặc 01% giá trị<br>nhập khẩu của sản phẩm<br>đối với trường hợp nhập<br>khẩu |
| 4         | Kẹo cao su                                          | Tất cả                          | Tất cả                         | 01% doanh thu của sản<br>phẩm đối với trường hợp<br>sản xuất hoặc 01% giá trị<br>nhập khẩu của sản phẩm<br>đối với trường hợp nhập<br>khẩu  |
| 5         | Thuốc lá                                            | Tất cả                          | Tất cả                         | 60 đồng/20 điếu                                                                                                                             |
| 6         | Sản phẩm có thành phần<br>nhựa tổng hợp             |                                 |                                |                                                                                                                                             |

|     |                                                                                                                                                                         |        |        |                                    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|--------|------------------------------------|
| 6.1 | Khay, bát, đĩa, ly, cốc, dao, kéo, thìa, đĩa, ống hút, que khuấy, hộp đựng, màng bọc thực phẩm sử dụng một lần                                                          | Tất cả | Tất cả | 1.500 đồng/01 kg nhựa được sử dụng |
| 6.2 | Bóng bay, băng keo dán, tăm bông tai, tăm chỉ răng; bàn chải đánh răng dùng một lần; kem đánh răng dùng một lần; dầu gội, dầu xả dùng một lần; dao cạo râu dùng một lần |        |        |                                    |
| 6.3 | Quần, áo các loại và phụ kiện                                                                                                                                           |        |        |                                    |
| 6.4 | Đồ da, túi, giày, dép các loại                                                                                                                                          |        |        |                                    |
| 6.5 | Đồ chơi trẻ em các loại                                                                                                                                                 |        |        |                                    |
| 6.6 | Đồ nội thất các loại                                                                                                                                                    |        |        |                                    |
| 6.7 | Vật liệu xây dựng các loại                                                                                                                                              |        |        |                                    |
| 6.8 | Túi ni lông khó phân hủy sinh học có kích thước nhỏ hơn 50 cm x 50 cm và độ dày một lớp màng nhỏ hơn 50 $\mu$ m                                                         |        |        |                                    |